

TÍNH TỘC NGƯỜI VÀ QUAN HỆ TỘC NGƯỜI

1. Mã học phần: ANT3004
2. Số tín chỉ: 03
3. Học phần tiên quyết: ANT1100
4. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt
5. Giảng viên (họ và tên, chức danh, học vị, đơn vị công tác):
 - 5.1. Giảng viên 1
 - Họ và tên: Hoàng Cẩm
 - Chức danh, học hàm, học vị: TS.
 - Địa điểm làm việc: Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
 - Thời gian làm việc: Từ 10:00 - 11:30 các buổi sáng thứ hai và thứ năm.
 - Địa chỉ liên hệ: ThS. Hoàng Cẩm, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 27 Trần Xuân Soạn, Hà Nội.
 - Điện thoại cơ quan: .
 - Email: hoangcamvn@gmail.com.
 - Quá trình đào tạo và các hướng nghiên cứu chính: Tốt nghiệp cử nhân sử học tại Đại học tổng hợp (1995), thạc sĩ dân tộc học tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội (2000), thạc sĩ nhân học, Đại học Washington (2002), nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Khoa Nhân học, Đại học Washington, Seattle (từ năm 2003). Các hướng nghiên cứu chính: sinh thái chính trị, nhân học về phát triển, tính dân tộc và các tộc người nói tiếng Thái ở Việt Nam.
 - 5.2. Giảng viên 2
 - Họ và tên: PGS. TS. Nguyễn Văn Chính
 - Địa chỉ liên hệ: Khoa Nhân học, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
 - Email: nvchinh@hnn.vn.vn
 - 5.3. Giảng viên 3
 - Họ và tên: TS. Nguyễn Văn Thắng
 - Địa chỉ liên hệ: Viện Dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, số 1 Liễu Giai, Hà Nội
6. Mục tiêu học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):
 - 6.1. Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những cách tiếp cận và khái niệm lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu nhân học về tính tộc người và quan hệ tộc người. Ngoài các vấn đề lý thuyết, sinh viên sẽ được giới thiệu các nghiên

cứu trường hợp về tính tộc người và quan hệ tộc người ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Châu Á.

6.2. Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên sẽ được trang bị một hệ thống các công cụ khái niệm và tiếp cận để hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến tính tộc người và quan hệ tộc người, như nguồn gốc, bản sắc, sự biến đổi hay xung đột tộc người ở Việt Nam và trên thế giới.

6.3. Về thái độ: Trang bị cho sinh viên quan điểm nghiên cứu và tiếp cận từ góc độ nhân học, biết vận dụng các tri thức và kỹ năng đã học vào quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

Chuẩn đầu ra của học phần (kiến thức, kỹ năng, thái độ):

6.4. Về kiến thức: Sinh viên những cách tiếp cận và khái niệm lý thuyết cơ bản trong nghiên cứu nhân học về tính tộc người và quan hệ tộc người, có hiểu biết về các nghiên cứu trường hợp về tính tộc người và quan hệ tộc người ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Châu Á.

6.5. Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị một hệ thống các công cụ khái niệm và tiếp cận để hiểu và phân tích các vấn đề liên quan đến tính tộc người và quan hệ tộc người, như nguồn gốc, bản sắc, sự biến đổi hay xung đột tộc người ở Việt Nam và trên thế giới.

6.6. Về thái độ: Sinh viên được rèn luyện quan điểm nghiên cứu và tiếp cận từ góc độ nhân học, biết vận dụng các tri thức và kỹ năng đã học vào quá trình học tập, công việc và cuộc sống.

Phương pháp kiểm tra đánh giá:

- *Kiểm tra và tiêu chí đánh giá:*

+ Điểm đánh giá thường xuyên: Được chấm dựa trên các cơ sở sau: đến lớp đều đặn, đúng giờ; chuẩn bị bài tốt; tích cực tham gia thảo luận, lắng nghe và phản hồi sinh viên khác thảo luận. Riêng phần thảo luận có liên quan đến phương pháp nghiên cứu trong nhân học, nên sinh viên có thể sẽ được yêu cầu làm một bài tập quan sát tham gia.

+ Điểm thi giữa kỳ: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của sinh viên đã tích lũy được cho đến thời điểm thi. Sinh viên sẽ được thông báo trước 01 tuần về những nội dung để chuẩn bị.

+ Điểm thi hết môn: Được đánh giá bằng bài thi viết kiểm tra kiến thức của môn học trong học kỳ. Sinh viên sẽ được thông báo về nội dung ôn tập để chuẩn bị.

- *Phân bố điểm:*

TT	Loại điểm	Tỷ lệ %	Ghi chú
----	-----------	---------	---------

1)	Đánh giá thường xuyên	10	
2)	Thi giữa kỳ	30	
3)	Thi hết môn	60	Sinh viên chỉ được tham gia thi hết môn nếu có đủ 2 điểm đánh giá thường xuyên và giữa kỳ đạt từ điểm D trở lên.
	Tổng cộng	100	

Giáo trình bắt buộc (tác giả, tên giáo trình, nhà xuất bản, năm xuất bản):

- Charles F. Keyes (tuyển chọn). 2005. *Hợp tuyển tính dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á*. Hà Nội: Trường Đại học KHXH & NV, Bảo tàng dân tộc học, Hội dân tộc học Việt Nam.
- Viện Dân tộc học 2014. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Viện Dân tộc học 2014. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Đặng Nghiêm Vạn (1993) *Quan hệ tộc người trong một quốc gia dân tộc*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.
- Đặng Nghiêm Vạn, Chương 1: “Khái niệm quốc gia dân tộc và tộc người” (Trong *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*. Nxb ĐHQG Tp. HCM, 2003)
- Đặng Nghiêm Vạn, Chương 2: “Tiêu chí xác định một quốc gia dân tộc và một tộc người” (Trong *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*)

Phan Hữu Dật (1998

Tóm tắt nội dung môn học (mỗi môn học tóm tắt khoảng 120 từ):

Môn học này được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên cách tiếp cận nhân học về tính tộc người hay nhóm tộc người. Ba trường phái lý thuyết có ảnh hưởng lớn nhất đến nghiên cứu chủ đề được giới thiệu là: “tiền định luận” (primordial), “công cụ luận” (instrumental) và hướng tiếp cận kết hợp hai trường phái này. Sau khi giới thiệu cho sinh viên các hướng lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong nhân học trong việc nghiên cứu tính dân tộc và quan hệ dân tộc, sinh viên sẽ được tiếp cận với các nghiên cứu trường hợp về tính dân tộc và quan dân tộc ở nhiều nước trên thế giới đặc biệt là các nước ở Châu Á (Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, và Myanma).

Nội dung chi tiết môn học/chuyên đề (trình bày các chương, mục, tiểu mục...):

Nội dung của môn học được chia thành 8 vấn đề tương đương với 8 bài có nội dung chi tiết như sau:

BÀI 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1. Tính tộc người (*ethnicity*), nhóm tộc người (*ethnic group*): “họ” – “chúng ta”?
2. Tính tộc người (*ethnicity*), chủng tộc (*race*) và quốc gia (*nation*)

3. Tính tộc người (*ethnicity*) và giai cấp (*social class*)
4. Từ bộ lạc (*tribe*) đến nhóm tộc người (*ethnic group*)
5. Các khái niệm mang tính phân tích (*analytical concepts*) và khái niệm “bản địa” (*native concepts*) liên quan đến tính dân tộc.

BÀI 2: NHỮNG CÁCH TIẾP CẬN LÝ THUYẾT NHÂN HỌC TRONG NGHIÊN CỨU TÍNH DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC

1. Edmund Lead và sự mềm dẻo của tính dân tộc và quan hệ dân tộc.
2. Tính dân tộc và quan hệ dân tộc dưới cách nhìn của các nhà ‘tiền định’ luận (*primordialists*).
3. Tính tộc người và quan hệ dân tộc dưới cách nhìn của các nhà ‘công cụ’ và ‘chức năng’ luận (*instrumentalists and functionalists*).
4. Ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại trong nghiên cứu nhân học về tính tộc người, bản sắc tộc người và quan hệ dân tộc.

BÀI 3: ĐA DẠNG VĂN HÓA THỜI TIỀN HIỆN ĐẠI VÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI THỜI THUỘC ĐỊA: CÁC ĐIỀU KIỆN XÃ HỘI CỦA SỰ XUẤT HIỆN TÍNH DÂN TỘC

1. Quan hệ tộc người thời tiền hiện đại: Các tộc người văn minh và các tộc người ở vùng ngoại biên.
2. Chủ nghĩa thực dân, sự di cư, tính dân tộc và bản sắc tộc người.
3. Sự sáng tạo tính tộc người hay phân loại tộc người thời tiền hiện đại.

BÀI 4: CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ VÀ NHÀ NƯỚC QUỐC GIA HIỆN ĐẠI (*NATION STATE*): MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. “Cuộc cách mạng hợp nhất”: Bộ lạc, các dân tộc thiểu số và chủ nghĩa dân tộc.
2. Phân loại tộc người và chính sách dân tộc của các nhà nước quốc gia hiện đại

BÀI 5: CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ TRONG CÁC NHÀ NƯỚC QUỐC GIA HIỆN ĐẠI: TRƯỜNG HỢP THÁI LAN VÀ MYANMA

1. Chính sách dân tộc của Thái Lan (qua trường hợp người Karen và người Lue)
2. Chính sách dân tộc ở của Myanma (qua trường hợp người Karen và Kachin)

BÀI 6: CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CÁC QUỐC GIA DÂN TỘC HIỆN ĐẠI: TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

1. Chính sách dân tộc và phân loại tộc người ở Việt Nam (sau 1954 và 1975)
2. Chính sách dân tộc và phân loại tộc người ở Trung Quốc (từ đầu những năm 1950)

BÀI 7: TÍNH TỘC NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH HÓA TOÀN CẦU: CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ VÙNG CAO VÀ KIỀU BÀO

1. Tính tộc người, bản sắc tộc người trong quá trình đa dạng hóa toàn cầu.

2. Du lịch và sự thay đổi, tái tạo bản sắc tộc người.
3. Các cộng đồng kiều bào và tính tộc người.

BÀI 8: TỔNG KẾT: SỰ MỀM DẸO HAY LINH HOẠT CỦA TÍNH TỘC NGƯỜI VÀ QUAN HỆ TỘC NGƯỜI

1. Sự chuyển đổi từ tộc người này sang tộc người khác.
2. Tái cấu trúc bản sắc.
3. Vấn đề bản sắc kép, đa bản sắc hay tính bối cảnh của bản sắc tộc người.

GIẢNG VIÊN

CHỦ NHIỆM
KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Sỹ Giáo

PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu

PGS.TS. Nguyễn Văn Kim